



luàn pǎo

乱跑

verb phrase · run around wildly

Example Sentences

Xiǎo hái zì zài gōng yuán lǐ luàn pǎo hěn wēi xiǎn
小 孩 子 在 公 园 里 乱 跑 很 危 险。

It's dangerous for children to run around
wildly in the park.

Qǐng bù yào zài zǒu láng shàng luàn pǎo
请 不 要 在 走 廊 上 乱 跑。

Please don't run around wildly in the hallway.

Trace each character, then write the word on your own.

乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱
跑	跑	跑	跑	跑	跑	跑	跑	跑	跑
跑	跑	跑	跑						